

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5566/UBND-KT

Long Thành, ngày 08 tháng 6 năm 2023

V/v triển khai Quyết định số
1297/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6
năm 2023 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Thanh tra huyện;
- Phòng Văn hóa - Thông tin;
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện;
- Ban Quản lý dự án huyện;
- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn.

Thực hiện Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất do Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn quản lý để thực hiện dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (Quyết định photo đính kèm).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan cập nhật, tham mưu triển khai Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai theo đúng thẩm quyền quy định.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn có trách nhiệm:

- Niêm yết Quyết định thu hồi đất tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư.
- Quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi cho đến khi bàn giao đất cho Cảng vụ hàng không Miền Nam.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT. UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu VT-KT (Châu).



CHỦ TỊCH

Lê Văn Tiếp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1297/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất do Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn quản lý để thực hiện
Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế
Long Thành tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất
đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê
đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Long Thành đã được
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3732/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
301/TTr-STNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi tổng diện tích 213.079,7 m² đất giao thông, đất thủy lợi, đất suôi do Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Long Thành quản lý, bao gồm:

1. Khu 1: Diện tích 3.072,6 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3590/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

2. Khu 2: Diện tích 12.785,6 m² đất giao thông, đất suôi (9.754,4 m² đất giao thông và 3.031,2 m² đất suôi).



Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3591/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

3. Khu 3: Diện tích 3.403,2 m² đất giao thông, đất suối (3.173,9 m² đất giao thông và 229,3 m² đất suối).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3592/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

4. Khu 4: Diện tích 300,3 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3593/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

5. Khu 5: Diện tích 8.779,1 m² đất giao thông, đất thủy lợi, đất suối (6.579,9 m² đất giao thông, 624,8 m² đất thủy lợi và 1.574,4 m² đất suối).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3594/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

6. Khu 6: Diện tích 6.464,4 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3595/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

7. Khu 7: Diện tích 10.291,3 m² đất giao thông, đất thủy lợi (9.217,0 m² đất giao thông và 1.074,3 m² đất thủy lợi).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3596/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

8. Khu 8: Diện tích 20.955,9 m² đất giao thông, đất suối (17.332,5 m² đất giao thông và 3.623,4 m² đất suối).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3597/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

9. Khu 9: Diện tích 32.140,9 m² đất giao thông, đất thủy lợi (31.570,6 m² đất giao thông và 570,3 m² đất thủy lợi).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3598/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

10. Khu 10: Diện tích 4.037,7 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1360/2023, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 12 tháng 5 năm 2023, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 15 tháng 5 năm 2023.

11. Khu 11: Diện tích 7.841,6 m² đất giao thông, đất suối (7.682,1 m² đất giao thông và 159,5 m² đất suối).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3600/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

12. Khu 12: Diện tích 13.677,8 m² đất giao thông, đất thủy lợi, đất suối (13.419,6 m² đất giao thông, 200,6 m² đất thủy lợi và 57,6 m² đất suối).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3601/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

13. Khu 13: Diện tích 10.782,8 m² đất giao thông, đất thủy lợi (10.743,7 m² đất giao thông và 39,1 m² đất thủy lợi).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3602/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

14. Khu 14: Diện tích 10.607,6 m² đất giao thông, đất suối (7.438,1 m² đất giao thông và 3.169,5 m² đất suối).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3603/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

15. Khu 15: Diện tích 1.995,0 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3604/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

16. Khu 16: Diện tích 13.793,5 m² đất giao thông, đất thủy lợi (12.510,2 m² đất giao thông và 1.283,3 m² đất thủy lợi).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3605/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

17. Khu 17: Diện tích 9.458,0 m² đất giao thông, đất thủy lợi (6.597,1 m² đất giao thông và 2.860,9 m² đất thủy lợi).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3606/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

18. Khu 18: Diện tích 4.557,2 m² đất giao thông, đất thủy lợi (3.815,5 m² đất giao thông và 741,7 m² đất thủy lợi).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3607/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi

cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

19. Khu 19: Diện tích 5.251,5 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3608/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

20. Khu 20: Diện tích 9.426,9 m² đất giao thông, đất thủy lợi (6.277,2 m² đất giao thông và 3.149,7 m² đất thủy lợi).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 3609/2022, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 31 tháng 3 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 31 tháng 3 năm 2022.

21. Khu 21: Diện tích 547,7 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1667/2022, tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 06 tháng 4 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 15 tháng 4 năm 2022.

22. Khu 22: Diện tích 10.273,5 m² đất giao thông, đất suối.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1534/2023, tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 12 tháng 5 năm 2023, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 12 tháng 5 năm 2023.

23. Khu 23: Diện tích 2.625,5 m² đất giao thông, đất suối (2.477,0 m² đất giao thông và 148,5 m² đất suối).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1669/2022, tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 06 tháng 4 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 15 tháng 4 năm 2022.

24. Khu 24: Diện tích 1.529,1 m² đất giao thông, đất suối (564,1 m² đất giao thông và 965,0 m² đất suối).

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1670/2022, tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 06 tháng 4 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 15 tháng 4 năm 2022.

25. Khu 25: Diện tích 1.474,6 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1671/2022, tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 06 tháng 4 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 15 tháng 4 năm 2022.

26. Khu 26: Diện tích 790,0 m² đất giao thông.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1672/2022, tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 06 tháng 4 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 15 tháng 4 năm 2022.

27. Khu 27: Diện tích 2,9 m² đất thủy lợi.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1673/2022, tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 06 tháng 4 năm 2022, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 15 tháng 4 năm 2022.

28. Khu 28: Diện tích 6.213,5 m² đất giao thông, đất suối.

Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được thể hiện theo Tờ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 1535/2023, tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 12 tháng 5 năm 2023, được Chi cục Quản lý đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) ký kiểm tra ngày 12 tháng 5 năm 2023.

(Đính kèm các tờ bản đồ khu vực)

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn có trách nhiệm:

a) Niêm yết quyết định thu hồi đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư.

b) Quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi cho đến khi bàn giao đất cho Cảng vụ hàng không miền Nam.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính.

b) Lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất cho Cảng vụ hàng không miền Nam theo Điều 156 Luật Đất đai 2013.

4. Ủy ban nhân dân huyện Long Thành có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi cho đến khi bàn giao đất cho Cảng vụ hàng không miền Nam.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng Quyết định thu hồi đất trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành; Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử (đăng tin);
- Lưu: VT, KTN, KTNS.

Vinh ktn thu hồi 28 SBLT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Võ Văn Phi